

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/CV-STP

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- 1. Tên tổ chức: Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà**
 - Mã chứng khoán: **STP**
 - Địa chỉ trụ sở: Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
 - Điện thoại: 04. 33521290/33828440 (máy lẻ 115); Fax: 04. 33822791
- 2. Nội dung thông tin công bố:**
 - 2.1. Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 (Công ty mẹ)** của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 24 tháng 01 năm 2017, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 2.2. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2016 (Công ty mẹ)** so với cùng kỳ năm trước.
 - 2.3. Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 (Hợp nhất)** của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 24 tháng 01 năm 2017, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 2.4. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2016 (Hợp nhất)** so với cùng kỳ năm trước.
- 3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/01/2017 tại đường dẫn: stp.com.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính quý 4/2016 (CT mẹ)
- Công văn giải trình số 21 CT/TCKT
- Báo cáo tài chính quý 4/2016 (Hợp nhất)
- Công văn giải trình số 22 CT/TCKT



Vũ Thúy Quỳnh

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
YÊN NGHĨA - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2016**

Hà Nội, năm 2016

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ IV NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý IV năm 2016 - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1-3
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	4
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	5
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	6-37

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,940,721,072	114,794,812,953
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	23,468,570,707	14,783,358,692
1. Tiền	111		3,468,570,707	2,783,358,692
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	12,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		448,922,000	340,844,410
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V2	592,716,610	425,282,410
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V3	(143,794,610)	(84,438,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82,752,883,893	78,636,037,874
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V4	80,065,218,505	66,878,585,449
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		715,304,925	98,070,682
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	18,140,259,363	21,164,990,078
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16,167,898,900)	(9,505,608,335)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		32,374,502,596	19,916,187,349
1. Hàng tồn kho	141	V6	32,374,502,596	19,916,187,349
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		895,841,876	1,118,384,628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		313,943,870	275,369,840
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		500,677,209	370,794,689
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V7	81,220,797	472,220,099
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V8	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43,737,953,151	55,785,948,536
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		181,277,662	105,678,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		181,277,662	105,678,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V9	-	-
II. Tài sản cố định	220	V10	22,214,999,293	38,113,510,251
1. Tài sản cố định hữu hình	221		22,214,999,293	29,941,895,751

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		70,281,313,139	71,883,728,130
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48,066,313,846)	(41,941,832,379)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	8,171,614,500
- Nguyên giá	228		-	8,171,614,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V11	8,684,998,137	7,110,998,137
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8,684,998,137	7,110,998,137
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V12	546,486,640	5,266,486,640
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,321,486,640	10,041,486,640
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2,775,000,000)	(4,775,000,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V13	12,110,191,419	5,189,275,508
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12,110,191,419	5,189,275,508
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		183,678,674,223	170,580,761,489
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32,057,015,174	22,544,447,540
I. Nợ ngắn hạn	310		32,057,015,174	22,544,447,540
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V14	19,834,097,221	8,418,678,015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,605,205,620	934,546,792
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2,910,677,781	92,498,249
4. Phải trả người lao động	314		2,041,885,047	1,795,520,172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V15	29,399,988	29,399,988
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V16	452,067,199	599,250,395
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V17	5,137,308,696	10,561,380,307
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		46,373,622	113,173,622
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V18	151,621,659,049	148,036,313,949
I. Vốn chủ sở hữu	410		151,621,659,049	148,036,313,949
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,457,440,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,457,440,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42,261,553,850	42,261,553,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(308,195,830)	(308,195,830)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19,337,142,914	29,794,582,914
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4,949,173,872	31,094,367
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31,094,367	31,094,367
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,918,079,505	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		4,924,544,243	6,257,278,648
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		183,678,674,223	170,580,761,489

Hà Nội ngày 24. tháng 01. năm 2017

Lập biểu

(Handwritten signature)

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Hồng Minh

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Yên nghĩa - Hà Đông - Hà Nội

Tel: Fax:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2016**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	60,252,228,803	83,849,398,244	283,831,447,105	245,393,862,360
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11,735,000	96,629,725	83,633,600	708,768,445
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		60,240,493,803	83,752,768,519	283,747,813,505	244,685,093,915
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	52,121,251,817	72,270,317,260	249,363,123,150	214,883,817,497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		8,119,241,986	11,482,451,259	34,384,690,355	29,801,276,418
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	2,305,244,264	143,506,940	2,668,282,491	954,382,691
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	2,108,584,730	375,259,441	2,375,660,946	1,654,857,752
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25,550,881	115,021,995	143,486,379	436,768,377
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	1,336,049,622	4,004,960,555	6,381,282,119	6,945,595,555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	8,535,470,440	2,273,310,881	23,216,746,674	13,357,354,874
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(1,555,618,542)	4,972,427,322	5,079,283,107	8,797,850,928
11. Thu nhập khác	31	V1.7	39,185,300	205,006,138	604,183,180	1,196,439,001
12. Chi phí khác	32	V1.8	117,199,296	24,000,001	547,280,562	3,688,389,076
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(78,013,996)	181,006,137	56,902,618	(2,491,950,075)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(1,633,632,538)	5,153,433,459	5,136,185,725	6,305,900,853
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(425,614,347)	1,261,507,241	1,550,840,625	1,261,507,241
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(1,208,018,191)	3,891,926,218	3,585,345,100	5,044,393,612
17.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1,019,463,213)	3,877,469,581	4,918,079,505	5,884,544,317
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(188,554,978)	(206,294,336)	(1,332,734,405)	(840,150,705)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(143,566)	555,80	701,80	945,00
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 30 tháng 12 năm 2017

Trưởng Giám đốc

Trưởng Giám đốc



Trưởng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Lũy kế từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		308,788,900,103	244,724,230,144
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(261,793,221,821)	(226,619,802,886)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21,988,994,056)	(14,181,713,856)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(143,486,379)	(527,761,526)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(500,000,000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9,925,714,850	10,271,818,585
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26,689,432,803)	(20,916,294,255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,599,479,894	(7,249,523,794)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,180,065,013)	(11,655,914,661)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		541,529,703	(30,000,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4,820,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		368,629,678	641,014,470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,550,094,368	(11,044,900,191)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(270,844,410)
3. Tiền thu từ đi vay	33		74,234,742,446	78,431,753,095
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(76,699,104,693)	(75,201,625,418)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,464,362,247)	2,959,283,267
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8,685,212,015	(15,335,140,718)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14,783,358,692	30,118,499,410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		23,468,570,707	14,783,358,692

Lập biểu

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Hồng Minh

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa; Kinh doanh vật tư, vận tải,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng có trụ sở chính tại Xóm Bằng Gả, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tỷ lệ lợi ích và Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty con lần lượt là 75,36% và 75,36% (số đầu năm là 75,36% và 75,36%)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này năm nay so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 223 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 206 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính kỳ này của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Nhóm công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng và bao sản xuất. Do đó giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền đền bù thiệt hại rừng trong quá trình khai thác mỏ đá

Là khoản tiền đã chi ra để đền bù thiệt hại rừng trong quá trình khai thác mỏ đá. Được phân bổ theo thời gian khai thác của mỏ đá.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá là toàn bộ khoản tiền Nhóm công ty đã chi ra để có được quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian khai thác của mỏ đá.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Nhóm công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Nhóm công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất kỳ này.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Nhóm công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Nhóm công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Nhóm công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Nhóm công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Nhóm công ty:

Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	160,416,154	61,925,191
Tiền gửi ngân hàng	3,308,154,553	2,721,433,501
Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000	12,000,000,000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)	20,000,000,000	12,000,000,000
Cộng	23,468,570,707	14,783,358,692

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Nhóm công ty gồm có chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Nhóm công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty CP Licogi 16 (Mã: LCG)	592,716,610	448,922,000	(143,794,610)	425,282,410	340,844,410	(84,438,000)
Công ty CP cung ứng và DV kỹ thuật hàng hải (Mã:MAC)	154,438,000	39,700,000	(114,738,000)	154,438,000	70,000,000	(84,438,000)
Cộng	592,716,610	448,922,000	(143,794,610)	425,282,410	340,844,410	(84,438,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	(102,438,000)	(74,438,000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(41,356,610)	(10,000,000)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(143,794,610)	(84,438,000)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3,321,486,640	(2,775,000,000)	10,041,486,640	(4,775,000,000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	2,775,000,000	(2,775,000,000)	2,775,000,000	(2,775,000,000)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội			2,000,000,000	(2,000,000,000)
Công ty Cổ phần Lộc Ninh	546,486,640		5,266,486,640	
Cộng	3,321,486,640	(2,775,000,000)	10,041,486,640	(4,775,000,000)

Giá hợp lý:

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	(4,775,000,000)	(4,775,000,000)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	2,000,000,000	
Số cuối kỳ	(2,775,000,000)	(4,775,000,000)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	29,530,924,527	32,244,283,681
Công ty CP vật liệu xây dựng Hà Nội HP	29,530,924,527	32,244,283,681
Phải thu khách hàng khác	50,534,293,978	34,634,301,768
Công ty TNHH Dương Hồng	10,348,581,129	10,788,581,129
Các khách hàng khác	40,185,712,849	23,845,720,639
Cộng	80,065,218,505	66,878,585,449

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	715,304,925	98,070,682
Công ty CP SADICO Cần Thơ	407,000,000	
Các nhà cung cấp khác	308,304,925	98,070,682
Cộng	715,304,925	98,070,682

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	18,140,259,363	(10,831,762,141)	21,164,990,078	(9,343,762,141)
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	14,790,000,000	(10,215,000,000)	18,090,000,000	(8,727,000,000)
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,121,745,618		1,016,263,977	
Tạm ứng	248,451,451		103,316,322	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,980,062,294	(616,762,141)	1,955,409,779	(616,762,141)
Cộng	18,140,259,363	(10,831,762,141)	21,164,990,078	(9,343,762,141)

(*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (bên B) về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15,000 m² nằm trong tổng thể 21,290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà

Nội. Theo dự án trên Bên B góp 80% vốn. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty Cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì toàn bộ số tiền bên B đã góp để thực hiện dự án được chuyển thành công nợ bên A phải thanh toán cho bên B do dự án chậm tiến độ thuộc trách nhiệm bên A. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, bên A còn nợ 14,790,000,000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	181,277,662	-	181,277,662	-
Ký cược, ký quỹ	181,277,662		181,277,662	
Cộng	181,277,662	-	181,277,662	-

6. Nợ xấu:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	25,917,189,464	9,749,290,564	18,868,608,335	9,363,000,000
Phải thu Công ty TNHH Dương Hồng	10,348,581,129	5,174,290,564		
Phải thu tiền góp vốn Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	14,790,000,000	4,575,000,000	18,090,000,000	9,363,000,000
Phải thu các đối tượng khác	778,608,335		778,608,335	
Cộng	25,917,189,464	9,749,290,564	18,868,608,335	9,363,000,000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	(11,965,608,335)	(10,055,608,335)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5,174,290,565)	
Hoàn nhập dự phòng	972,000,000	550,000,000
Số cuối kỳ	(16,167,898,900)	(9,505,608,335)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-		227,394,482	
Nguyên liệu, vật liệu	17,364,700,664		13,048,847,019	
Công cụ, dụng cụ	-		89,778,636	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8,953,881,765		4,764,401,856	
Thành phẩm	6,055,920,167		1,785,765,356	
Cộng	32,374,502,596	-	19,916,187,349	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ		
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	-	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ kết chuyển	30,735,721	12,296,232
Công cụ dụng cụ	283,208,149	263,073,608
Cộng	313,943,870	275,369,840

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	315,539,347	514,162,856
Chi phí sửa chữa tài sản	527,158,673	940,889,690
Tiền đền bù thiệt hại rừng trong quá trình khai thác	2,844,330,009	2,971,775,913
Quyền khai thác mỏ	8,350,444,176	604,633,728
Các chi phí trả trước dài hạn khác	72,719,214	157,813,321
Cộng	12,110,191,419	5,189,275,508

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	12,364,771,704	57,284,494,620	1,982,759,307	251,702,499	71,883,728,130
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(1,602,414,991)	-	-	(1,602,414,991)
Số cuối kỳ	12,364,771,704	55,682,079,629	1,982,759,307	251,702,499	70,281,313,139
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5,871,250,677	19,780,672,498	607,704,762	122,263,636	26,381,891,573
Chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**Giá trị hao mòn**

<i>Số đầu năm</i>	8,044,140,652	32,674,854,785	1,066,056,282	156,780,660	41,941,832,379
Khấu hao trong kỳ	542,848,152	6,061,781,147	275,010,912	25,887,768	6,905,527,979
Giảm do giảm TSCĐ trong kỳ		(781,046,512)			(781,046,512)
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>8,586,988,804</u>	<u>37,955,589,420</u>	<u>1,341,067,194</u>	<u>182,668,428</u>	<u>48,066,313,846</u>

Giá trị còn lại

<i>Số đầu năm</i>	<u>4,320,631,052</u>	<u>24,609,639,835</u>	<u>916,703,025</u>	<u>94,921,839</u>	<u>29,941,895,751</u>
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>3,777,782,900</u>	<u>17,726,490,209</u>	<u>641,692,113</u>	<u>69,034,071</u>	<u>22,214,999,293</u>

Một số tài sản cố định hữu hình gắn liền gắn liền trên diện tích 9,548.9 m2 đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng có giá trị còn lại theo sổ sách đến 31 tháng 12 năm 2016 là 1,602,645,825 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Đầu tư Mua sắm		1,574,000,000			1,574,000,000
XDCB dở dang Sửa chữa lớn TSCĐ	7,110,998,137				7,110,998,137
Cộng	<u>7,110,998,137</u>	<u>1,574,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8,684,998,137</u>

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CP đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty CP TM & DV Lâm Anh	19,834,097,221	8,418,678,015
Các nhà cung cấp khác	7,425,638,708	1,545,333,598
Cộng	<u>12,408,458,513</u>	<u>6,873,344,417</u>
	<u>19,834,097,221</u>	<u>8,418,678,015</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
DSG Holdings Australia Pty L.td		332,342,616
North (Đan Mạch)	1,240,011,420	
Các khách hàng khác	365,194,200	602,204,176
Cộng	1,605,205,620	934,546,792

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp NS	Phải thu NS	Số phải nộp NS	Số đã nộp NS	Tăng (+), Giảm (-) khác ^(*)	Phải nộp NS	Phải thu NS
Thuế GTGT hàng bán nội địa			2,895,950,430	(2,895,950,430)		-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			9,541,910,393	(9,541,910,393)		-	
Thuế xuất, nhập khẩu			230,587,518	(230,587,518)		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		472,220,099	1,310,089,337	(526,789,243)	240,751,288	551,831,283	
Thuế thu nhập cá nhân	30,504,816		73,797,775	(62,215,893)	(123,307,495)		81,220,797
Thuế tài nguyên	59,382,283		946,405,542	(213,172,912)		792,614,913	
Tiền thuế đất			332,841,000	(332,841,000)		-	
Các loại thuế khác			20,141,098	(20,141,098)		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2,611,150		2,309,361,148	(745,740,713)		1,566,231,585	
Cộng	92,498,249	472,220,099	17,661,084,241	(14,569,349,200)	117,443,793	2,910,677,781	81,220,797

(*) Trong đó:

Tăng 240,751,288 đồng là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp tăng

Giảm 123,307,495 đồng là khoản thuế thu nhập cá nhân của các năm trước đã tạm nộp quá số quyết toán.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Nhóm công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1,633,632,538)	5,153,433,459
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	834,600,070	894,589,185
Lỗ trong kỳ của Công ty con	766,483,654	838,594,860
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	52,000,000	36,000,000
Chi phí xử lý vi phạm về thuế		
Chi phí phạt vi phạm hành chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu, phải trả và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối kỳ	16,116,416	19,994,325
Chi phí tiền lương năm 2015 chưa chi hết đến thời điểm quyết toán thuế năm 2015		
Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ		
Chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1,195,534,116)	(1,756,941,682)
Tiền phạt thuế được miễn		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu, phải trả và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối năm trước		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ		
Hoàn nhập dự phòng giảm giá Công ty con	(1,195,534,116)	(1,756,941,682)
Thu nhập chịu thuế	(1,994,566,584)	4,291,080,962
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(1,994,566,584)	4,291,080,962
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>		944,037,812
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	-	944,037,812
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước</i>	(425,614,347)	501,960,299
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	(425,614,347)	1,445,998,111

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	29,399,988	29,399,988
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	29,399,988	29,399,988
Cộng	29,399,988	29,399,988

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	452,067,199	599,250,395
Kinh phí công đoàn	49,552,139	63,901,016
BHXH, BHYT, BHTN	0	142,611,265
Ông Chu Đức trí	0	
Phải trả phải nộp khác	402,515,060	392,738,114
Cộng	452,067,199	599,250,395

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5,137,308,696	5,137,308,696	10,561,380,307	10,561,380,307
Vay ngắn hạn ngân hàng	3,010,149,135	3,010,149,135	9,110,301,725	9,110,301,725
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây</i>	3,010,149,135	3,010,149,135	9,110,301,725	9,110,301,725
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	990,000,000	990,000,000	70,000,000	70,000,000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1,137,159,561	1,137,159,561	1,381,078,582	1,381,078,582
Cộng	5,137,308,696	5,137,308,696	10,561,380,307	10,561,380,307

- (i) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 35/2016/HĐTDHM/NHCT320-STP ngày 22 tháng 06 năm 2016 với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân và thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 30,000,000,000 đồng. Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo là thế chấp các tài sản sau:

Toàn bộ hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền trên diện tích 9,548.9 m² đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng của Công ty được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CN HTY-STP ngày 21/01/2016 và các biên bản định giá tài sản đảm bảo kèm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị định giá : 1,837,000,000 đồng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	5,685,061,582	8,064,726,936
Số tiền vay phát sinh	16,901,490,707	24,540,937,847
Tăng do chênh lệch tỷ giá thực hiện	-	-
Số tiền vay đã trả	(17,446,126,976)	(22,002,457,867)
Giảm do chênh lệch tỷ giá thực hiện	(3,116,617)	(41,826,609)
Số cuối kỳ	5,137,308,696	10,561,380,307

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	113,173,622	(66,800,000)	46,373,622
Quỹ phúc lợi	-	-	-
Cộng	113,173,622	(66,800,000)	46,373,622

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	54,102,373,080	(12,149,015,060)	29,794,582,914	(5,853,449,950)	7,097,429,353	142,991,920,337
Tái phát hành cổ phiếu quỹ thưởng cho cổ đông hiện hữu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần		(11,840,819,230)	11,840,819,230				
Lợi nhuận cùng kỳ năm trước					5,884,544,317	(840,150,705)	5,044,393,612
Số dư cuối cùng kỳ năm trước	70,000,000,000	42,261,553,850	(308,195,830)	29,794,582,914	31,094,367	6,257,278,648	148,036,313,949
Số dư đầu năm nay	70,000,000,000	42,261,553,850	(308,195,830)	29,794,582,914	31,094,367	6,257,278,648	148,036,313,949
Phát hành cổ phiếu quỹ thưởng cho cổ đông hiện hữu bằng nguồn quỹ ĐTPT	10,457,440,000			(10,457,440,000)			
Lợi nhuận trong kỳ này					4,918,079,505	(1,332,734,405)	3,585,345,100
Số dư cuối kỳ	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	19,337,142,914	4,949,173,872	4,924,544,243	151,621,659,049

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80,457,440,000	70,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	42,261,553,850	42,261,553,850
Cổ phiếu quỹ	(308,195,830)	(308,195,830)
Cộng	122,410,798,020	111,953,358,020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**18c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8,045,744	7,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,045,744	7,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23,681	23,681
- Cổ phiếu phổ thông	23,681	23,681
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,022,063	6,976,319
- Cổ phiếu phổ thông	8,022,063	6,976,319
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Số đầu kỳ	5,113,099,221	6,463,572,984
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(188,554,978)	(206,294,336)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu		
Số cuối kỳ	<u>4,924,544,243</u>	<u>6,257,278,648</u>

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Là ngoại tệ Dollar Mỹ (USD)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	224.06	1,644.73

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	15,271,552,141	36,247,281,012
Doanh thu bán thành phẩm	44,980,676,662	47,602,117,232
Cộng	<u>60,252,228,803</u>	<u>83,849,398,244</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ cho công ty con và cho các bên liên quan không phải là Công ty con.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Chiết khấu thương mại	-	73,784,727
Giảm giá hàng bán	11,735,000	22,844,998
Cộng	11,735,000	96,629,725

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	10,674,678,674	24,256,253,052
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	41,446,573,143	48,014,064,208
Cộng	52,121,251,817	72,270,317,260

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Lãi tiền gửi	244,765,591	49,531,246
Lãi về kinh doanh chứng khoán	-	93,975,694
Lãi chênh lệch tỷ giá	60,478,673	
Hoàn nhập dự phòng đầu t khác	2,000,000,000	
Cộng	2,305,244,264	143,506,940

5. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Chi phí lãi vay	25,550,881	115,021,995
Lỗ về kinh doanh chứng khoán	56,402	3,744
Lỗ đầu tư dài hạn khác	1,900,000,000	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	141,620,837	250,233,702
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	41,356,610	10,000,000
Cộng	2,108,584,730	375,259,441

6. Chi phí bán hàng

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Chi phí nhân viên	60,000,000	20,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí khác	1,276,049,622	3,984,960,555
Cộng	1,336,049,622	4,004,960,555

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	2,248,652,613	1,698,109,024
Chi phí vật liệu quản lý	123,531,780	73,648,763
Chi phí đồ dùng văn phòng	26,961,542	38,711,142
Chi phí khấu hao TSCĐ	91,558,386	93,010,413
Thuế, phí và lệ phí	865,745,992	606,342,059
Chi phí dự phòng	4,202,290,565	(550,000,000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527,460,125	90,380,312
Chi phí bằng tiền khác	449,269,437	223,109,168
Cộng	8,535,470,440	2,273,310,881

8. Thu nhập khác

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Thu bán phế liệu, thanh lý TSCĐ		72,222,727
Thu nhập khác	39,185,300	132,783,411
Cộng	39,185,300	205,006,138

9. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Thù lao TV HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	36,000,000	24,000,000
Chi khác	81,199,296	1
Cộng	117,199,296	24,000,001

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(1,019,463,213)	3,877,469,581
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1,019,463,213)	3,877,469,581
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7,101,353	6,976,319
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(143.56)	555.80

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ, được tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	6,976,319	6,066,500
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển	1,045,744	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		909,819
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7,101,353	6,976,319

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Tiền lương	344,281,012	345,710,260
Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	48,000,000	57,000,000
Cộng	392,281,012	402,710,260

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội

Mối quan hệ

Công ty do thành viên Hội đồng quản trị Công ty- Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

Giao dịch phát sinh phải trả

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội		
Tiền cước vận chuyển	153,700,400	
Thuế GTGT	15,370,040	
Thanh toán tiền hàng	35,981,000	

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Quý 4 năm 2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44,968,941,662	15,271,552,141	60,240,493,803
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44,968,941,662	15,271,552,141	60,240,493,803
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			8,119,241,986
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9,871,520,062)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1,752,278,076)
Doanh thu hoạt động tài chính			2,305,244,264
Chi phí tài chính			(2,108,584,730)
Thu nhập khác			39,185,300

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Chi phí khác			(117,199,296)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			425,614,347
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(1,208,018,191)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1,601,544,545
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			2,178,958,263
Quý 4 năm 2015			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	47,505,487,507	36,247,281,012	83,752,768,519
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47,505,487,507	36,247,281,012	83,752,768,519
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			11,482,451,259
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6,278,271,436)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5,204,179,823
Doanh thu hoạt động tài chính			143,506,940
Chi phí tài chính			(375,259,441)
Thu nhập khác			205,006,138
Chi phí khác			(24,000,001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1,261,507,241)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3,891,926,218
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			228,852,465
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			2,099,456,853

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	97,642,712,908	43,061,819,166	140,704,532,074
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9,723,299,486	2,365,661,051	12,088,960,537

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			30,885,181,612
Tổng tài sản			183,678,674,223
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19,834,097,221		19,834,097,221
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			12,222,917,953
Tổng nợ phải trả			32,057,015,174
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	123,393,116,124	13,597,541,129	136,990,657,253
Tài sản phân bổ cho bộ phận	5,732,017,154	4,160,756,032	9,892,773,186
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			23,697,331,050
Tổng tài sản			170,580,761,489
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8,418,678,015		8,418,678,015
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			14,125,769,525
Tổng nợ phải trả			22,544,447,540

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Nhóm Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội, khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, Hải Dương và khu vực khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Khu vực Hà Nội	8,201,057,919	17,380,134,015
Khu vực Hải Phòng, Quảng ninh	13,169,882,273	19,418,341,390
Khu vực Yên Bái	5,196,374,873	15,271,157,960
Khu vực Hải Dương	3,861,324,727	4,666,421,013
Khu vực Sơn la, Hòa Bình	18,406,225,457	17,268,319,319
Khu vực khác	11,405,628,554	9,748,394,822
Cộng	60,240,493,803	83,752,768,519

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,468,570,707				23,468,570,707
Chứng khoán kinh doanh				592,716,610	592,716,610
Phải thu khách hàng	69,554,791,182			10,510,427,323	80,065,218,505
Các khoản phải thu khác	1,993,606,720			15,864,107,301	17,857,714,021
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	546,486,640			2,775,000,000	3,321,486,640
Cộng	95,563,455,249	-	-	29,742,251,234	125,305,706,483
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,783,358,692				14,783,358,692

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh	270,844,410	154,438,000	425,282,410
Phải thu khách hàng	66,878,585,449		66,878,585,449
Các khoản phải thu khác	1,016,263,977	19,072,302,478	20,088,566,455
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5,266,486,640	4,775,000,000	10,041,486,640
Cộng	88,215,539,168	24,001,740,478	112,217,279,646

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	5,137,308,696			5,137,308,696
Phải trả người bán	19,834,097,221			19,834,097,221
Các khoản phải trả khác	402,515,060			402,515,060
Cộng	25,373,920,977	-	-	25,373,920,977
Số đầu năm				
Vay và nợ	10,561,380,307			10,561,380,307
Phải trả người bán	8,418,678,015			8,418,678,015
Các khoản phải trả khác	350,694,251			350,694,251
Cộng	19,330,752,573	-	-	19,330,752,573

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Nhóm Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối kỳ (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	224.06	1,644.73
Phải thu khách hàng	65,935.17	30,505.29
Vay và nợ	(132,111.00)	(404,183.75)
Phải trả người bán		(84,410.42)
Người mua trả tiền trước	(54,602.00)	
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(120,553.77)	(456,444.15)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000		12,000,000,000	
Vay và nợ	2,127,159,561	(132,111.00)	(1,451,078,582)	(404,183.75)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	22,127,159,561	(132,111.00)	10,548,921,418	(404,183.75)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Nhóm Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty là không đáng kể do tiền gửi và vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Nhóm Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Nhóm Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,468,570,707		14,783,358,692	
Chứng khoán kinh doanh	592,716,610	(143,794,610)	425,282,410	(84,438,000)
Phải thu khách hàng	80,065,218,505	(5,336,136,759)	66,878,585,449	
Các khoản phải thu khác	17,857,714,021	(10,831,762,141)	20,088,566,455	(9,505,608,335)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3,321,486,640	(2,775,000,000)	10,041,486,640	(4,775,000,000)
Cộng	125,305,706,483	(19,086,693,510)	112,217,279,646	(14,365,046,335)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	5,137,308,696		10,561,380,307	
Phải trả người bán	19,834,097,221		8,418,678,015	
Các khoản phải trả khác	402,515,060		350,694,251	
Cộng	25,373,920,977	-	19,330,752,573	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất


Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Ngô Thị Pho

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi